

Bản án số: 238/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-6-2024  
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Bích Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Văn Triều;
- Ông Nguyễn Thành Châu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Tây, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số B đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 143/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3195/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Phố E, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ liên hệ: số E tổ E, khu phố G, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N), sinh năm 1984

Địa chỉ: Kongsberg Krisesenter L gate 16-3616 K.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản tự khai ngày 28/9/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N) quen biết nhau và sau thời gian tìm hiểu cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ,

thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 14/12/2005).

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, do không chọn được nơi sinh sống và công việc; tháng 12/2018, ông Q sang Na Uy định cư và làm việc, từ đó đến nay không trở lại Việt Nam.

Bà H cho rằng cuộc sống chung giữa bà với ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N) không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N) có 02 con chung tên Nguyễn Trần Hân N1, giới tính Nữ, sinh ngày 20/02/2007 và Nguyễn Trần Gia P, giới tính N2, sinh ngày 09/10/2014; hiện nay 02 con chung đang ở với mẹ nên bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai đề ngày 27/5/2024 (đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa X tại Na Uy chứng nhận ngày 27/5/2024), bị đơn – ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N) trình bày:*

Ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N) và bà Trần Thị H quen biết nhau sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 14/12/2005).

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề nên ông Q sang Na Uy sinh sống từ tháng 12/2018 đến nay, bà H vẫn ở lại Việt Nam.

Ông Q nhận thấy cuộc sống chung với bà H không hạnh phúc, tình cảm không còn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Trần Hân N1, giới tính Nữ, sinh ngày 20/02/2007 và Nguyễn Trần Gia P, giới tính N2, sinh ngày 09/10/2014, các con đang ở với mẹ nên ông đồng ý giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về vấn đề cấp dưỡng, ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N) là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Việt Nam, bị đơn có nơi cư trú tại Na Uy nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn – bà Trần Thị H và bị đơn – ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N) đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 40, ngày 14/12/2005 của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị H và ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N) là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn - bà Trần Thị H và bị đơn - ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N) thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau được khoảng thời gian 03 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, hiện ông Q đã sang Na Uy định cư và làm việc từ tháng 12 năm 2018 đến nay, không trở về Việt Nam.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện bà H và ông Q mỗi người đang sinh sống và làm việc ở một đất nước khác nhau nên khó có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả bà H và ông Q đều đồng ý ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Xét thấy cuộc sống chung giữa bà H và ông Q không thể kéo dài, việc ly hôn là cần thiết, là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N) có 02 con chung tên Nguyễn Trần Hân N1, giới tính Nữ, sinh ngày 20/02/2007 và Nguyễn Trần Gia P, giới tính N2, sinh ngày 09/10/2014. Trong quá trình tố tụng, bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và ông Q cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Q tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà H và ông Q tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà H và ông Q khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn – bà Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – bà Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N).

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Trần Hân N1, giới tính Nữ, sinh ngày 20/02/2007 và trẻ Nguyễn Trần Gia P, giới tính N2, sinh ngày 09/10/2014 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông Q tự thỏa thuận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của C, Mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Bà H và ông Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0032847 ngày 15/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

### 3. Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Quang Q (Quang Quy N) được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Cục THA dân sự Tp.HCM;
- Ủy ban nhân dân phường Đông Cường, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Bích Loan**

